

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Xóm M, thôn 1, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Tr, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2006 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi nhau; anh Tr tính nóng nảy, cục súc, gia trưởng, coi thường vợ con; nhiều lần anh Tr đã đánh chị trước mặt con cái, gây ảnh hưởng về

tâm lý đến chị và các con. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào ngày 02/9/2023 anh chị cãi nhau, anh Tr đã đuổi chị đi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có Đơn đề nghị về việc anh Tr gây khó khăn cho chị rất nhiều, anh Tr vẫn uống rượu xuống đập phá nhà bố mẹ đẻ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2023, bị đơn anh Đỗ Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2006 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi nhau; thỉnh thoảng anh có uống rượu, nóng tính. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và không đồng ý ly hôn, nếu chị H cương quyết ly hôn thì chị H tự giải quyết và muốn làm thế nào thì làm.

Về con chung: Chị H và anh Tr đều xác định vợ chồng có 04 con chung là các cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/5/2007, cháu Đỗ Thu Ng, sinh ngày 30/5/2008; cháu Đỗ Thảo Nh, sinh ngày 26/12/2014; cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 05/3/2016. Hiện các cháu Ngọc A, Nh, Đ đang ở với anh Tr; cháu Ng đang ở với chị H. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị H có quan điểm: Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Ng; đề nghị Tòa án giao cháu Ngọc A, Nh, Đ cho anh Tr nuôi dưỡng; chị H đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho anh Tr mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh Tr có quan điểm: Nếu ly hôn đề nghị theo nguyện vọng của các cháu, cháu nào muốn ở với anh thì anh nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị còn chị H có quan điểm như thế nào thì tùy chị H.

Tại các Biên bản lấy lời khai của các cháu thì cháu Đỗ Thị Ngọc A, cháu Đỗ Thảo Nh và cháu Đỗ Thành Đ thì các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với bố; đối với cháu Đỗ Thu Ng thì có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H và anh Tr đều xác định không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị H đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Đỗ Văn Tr chưa thực hiện đầy đủ

quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh Tr. Xử lý hôn giữa chị H và anh Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu Ng cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Thị Ngọc A, Đỗ Thảo Nh, Đỗ Thành Đ cho anh Tr nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho anh Tr là 1.500.000 đồng mỗi tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Đỗ Văn Tr, đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Tr có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/3/2006, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống. Ngoài ra chị H còn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr hay uống rượu, nóng tính, cục xúc và gia trưởng, nhiều lần anh Tr bạo lực đối với chị H trước mặt các con, lâu dần dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ ngày 02/9/2023 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Tr. Mặc dù anh Tr xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Tr đều vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết vụ án và anh xác định không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, chị H trình bày, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị sinh sống nhưng anh Tr đã gây khó khăn cho chị, anh Tr đã đến nhà bố mẹ chị chửi bới và gây sự với bố đẻ của chị. Vì vậy chị H kiên quyết được ly hôn anh Tr để sớm ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử cho chị H được ly hôn anh Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh Tr đều xác định vợ chồng có 04 con chung là các cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/5/2007; cháu Đỗ Thu Ng, sinh ngày 30/5/2008; cháu Đỗ Thảo Nh, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 05/3/2016. Hiện cháu Ng đang ở với chị H; các cháu A, Nh, Đ đang ở với anh Tr; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng cháu Ng; đề nghị Tòa án giao cháu A, Nh, Đ cho anh Tr nuôi dưỡng; chị đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho anh Tr mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Quan điểm của anh Tr, nếu ly hôn đề nghị theo nguyện vọng của các cháu, cháu nào muốn ở với anh thì anh nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị còn chị H có quan điểm như thế nào thì tùy chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, khả năng chăm sóc con của chị H và anh Tr là ngang nhau. Tuy nhiên để ổn định cuộc sống và đảm bảo nguyện vọng, quyền lợi cho các cháu; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Ng; giao cho anh Tr được quyền nuôi dưỡng các cháu A, Nh, Đ; chị H cấp dưỡng cho anh Tr để nuôi cháu Đ mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh Tr đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Đỗ Thu Ng, sinh ngày 30/5/2008. Giao cho anh Đỗ Văn Tr được quyền nuôi dưỡng các cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/5/2007; cháu Đỗ Thảo Nh, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 05/3/2016. Chị H cấp dưỡng cho anh Tr để nuôi cháu Đ mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị H, anh Tr cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh, chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với các cháu Đỗ Thị Ngọc A, Đỗ Thu Ng, Đỗ Thảo Nh và Đỗ Thành Đ.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000602 ngày 24/11/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị H đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đỗ Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng